

AI DRAFT - Điểm nhấn chính

Macro Brief – Kinh tế Việt Nam tháng 8/2026

Báo cáo này là bản tóm tắt Cập nhật vĩ mô tháng ở dạng ngắn gọn hơn và trực quan hóa quanh bốn chủ đề chính – sản xuất và tiêu dùng, lạm phát, thương mại và đầu tư, cùng thị trường tiền tệ. Mỗi phần đều được mở đầu bằng những con số đáng chú ý, tiếp đến là các biểu đồ đứng sau, và khép lại bằng một đoạn diễn giải ngắn.

01

Sản xuất · Tiêu dùng

02

Lạm phát

03

Thương mại · Đầu tư

04

Tiền tệ · Tỷ giá

Miễn trừ trách nhiệm · Phần này của báo cáo ("Điểm nhấn chính · Trực quan hóa") do Claude AI tái cấu trúc và trực quan hóa từ báo cáo kinh tế vĩ mô gốc do Trung tâm Nghiên cứu, Công ty Cổ phần Chứng khoán Shinhan Việt Nam biên soạn (nguồn có thẩm quyền). Nội dung chỉ truyền tải các số liệu và sự kiện đã nêu trong bản gốc, không chứa khuyến nghị đầu tư, giá mục tiêu, và không được dùng làm cơ sở cho bất kỳ quyết định đầu tư nào.

Sản xuất công nghiệp tăng tốc lên 14.41% YoY trong tháng 8, đưa tốc độ lũy kế 8 tháng lên 11.90% - mạnh nhất trong nhiều năm. PMI, doanh thu bán lẻ và lượng khách quốc tế đều xác nhận đà tăng này.

+14.41%

Sản xuất công nghiệp, YoY

Lũy kế 8T2026 11.90%; khai khoáng dẫn đầu ở +18.5%, vượt chế biến chế tạo

53.3

PMI, tháng 8

Tăng từ 52.9 của tháng 7; tháng thứ 14 liên tiếp ở mức trên hoặc bằng 50

+14.95%

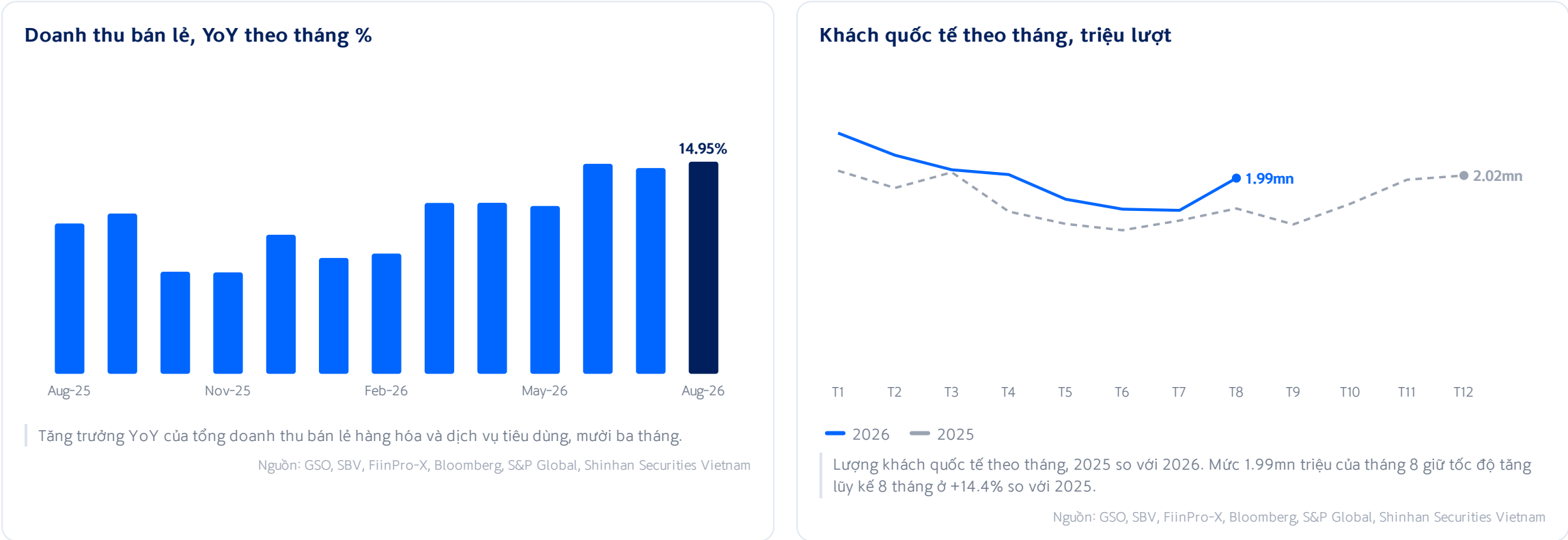
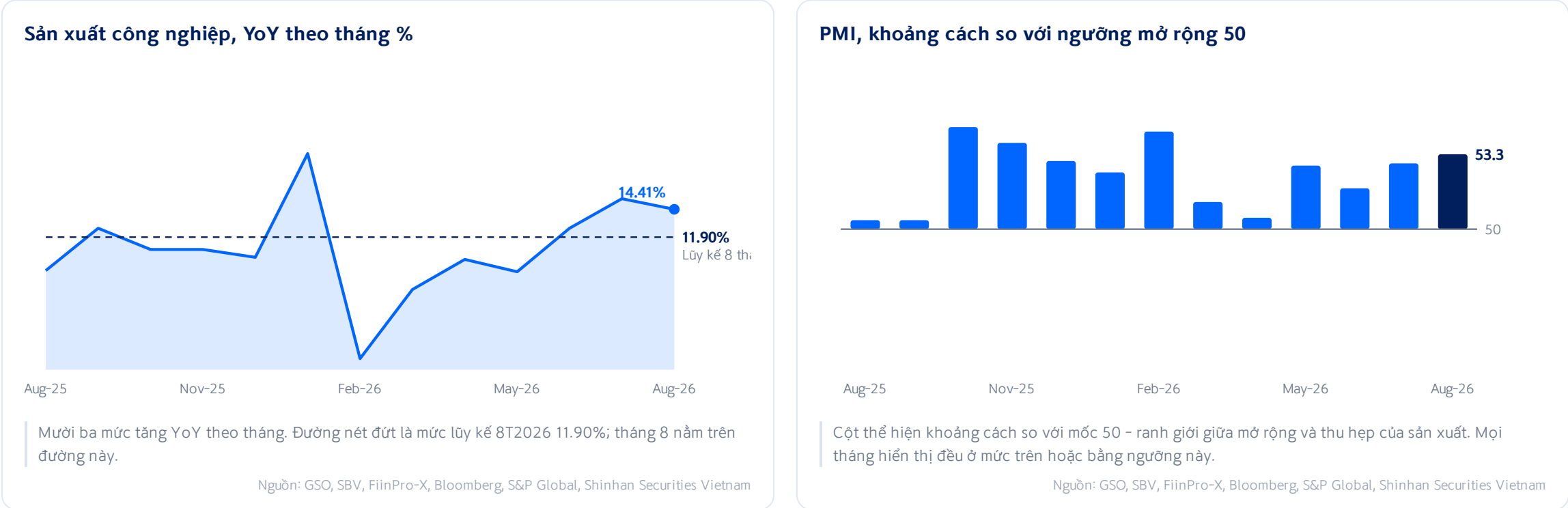
Doanh thu bán lẻ, YoY

1.6% MoM; tháng thứ ba liên tiếp trên 14.5%

1.99mn

Khách quốc tế, tháng 8 (triệu)

Lũy kế 8T2026 đạt 15.91mn triệu, tăng +14.4% YoY



Xu hướng và biến động 12 tháng				
Chỉ tiêu	Diễn biến	Mới nhất	So kỳ trước	So cùng kỳ năm trước
Sản xuất công nghiệp (YoY)		14.41%	-0.95pp	+5.71pp
PMI		53.3	+0.4	+2.9
Doanh thu bán lẻ (YoY)		14.95%	+0.47pp	+4.35pp
Khách quốc tế theo tháng (triệu)		1.99mn	+0.33	+0.31

Điều này cho thấy Sản lượng công nghiệp tháng 8 tăng 14.41% YoY (1.50% MoM), đưa tốc độ lũy kế 8 tháng lên 11.90% - mức 8 tháng đầu năm mạnh nhất theo GSO trong nhiều năm. Trong đó, khai khoáng (+18.5%) vượt chế biến chế tạo (+14.6%) lần đầu tiên kể từ ít nhất tháng 7, trong khi điện và khí đốt tăng 11.8% còn cấp nước và xử lý rác thải tăng 9.5%. PMI, chỉ số khảo sát các nhà quản trị mua hàng mà mốc trên 50 hàm ý sản xuất đang mở rộng, tăng lên 53.3 từ 52.9 và đã duy trì ở mức trên hoặc bằng 50 suốt 14 tháng liên tiếp, ngay cả khi đơn hàng xuất khẩu mới giảm lần đầu tiên trong bốn tháng. Tiêu dùng vẫn giữ vững cùng với sản xuất: doanh thu bán lẻ tăng 14.95% YoY - 13.3% qua tám tháng, 7.6% nếu loại trừ yếu tố giá - trong khi lượng khách quốc tế đạt 1.99mn triệu lượt trong tháng 8, đưa tổng lũy kế 8 tháng lên 15.91mn triệu lượt, tăng +14.4% so với năm trước và là mức 8 tháng cao nhất trong nhiều năm theo GSO.

CPI chung tăng lên 4.89% YoY trong tháng 8, bật lên từ 4.45% của tháng 7, trong khi lạm phát cơ bản chỉ hạ nhẹ về 4.55%.
Riêng nhóm giao thông vận tải đóng góp khoảng 60% mức tăng 1.65pp của lạm phát chung trong một năm qua.

4.89%

CPI chung, YoY

Tăng từ 4.45% của tháng 7 và 4.69% của tháng 6; lãi 4.55%, từ 4.63%

+8.02%

Giao thông vận tải, YoY

+4.09% MoM khi giá dầu diesel tăng vọt 22.15%; đóng góp 0.78pp, từ -0.19pp một năm trước

+6.60%

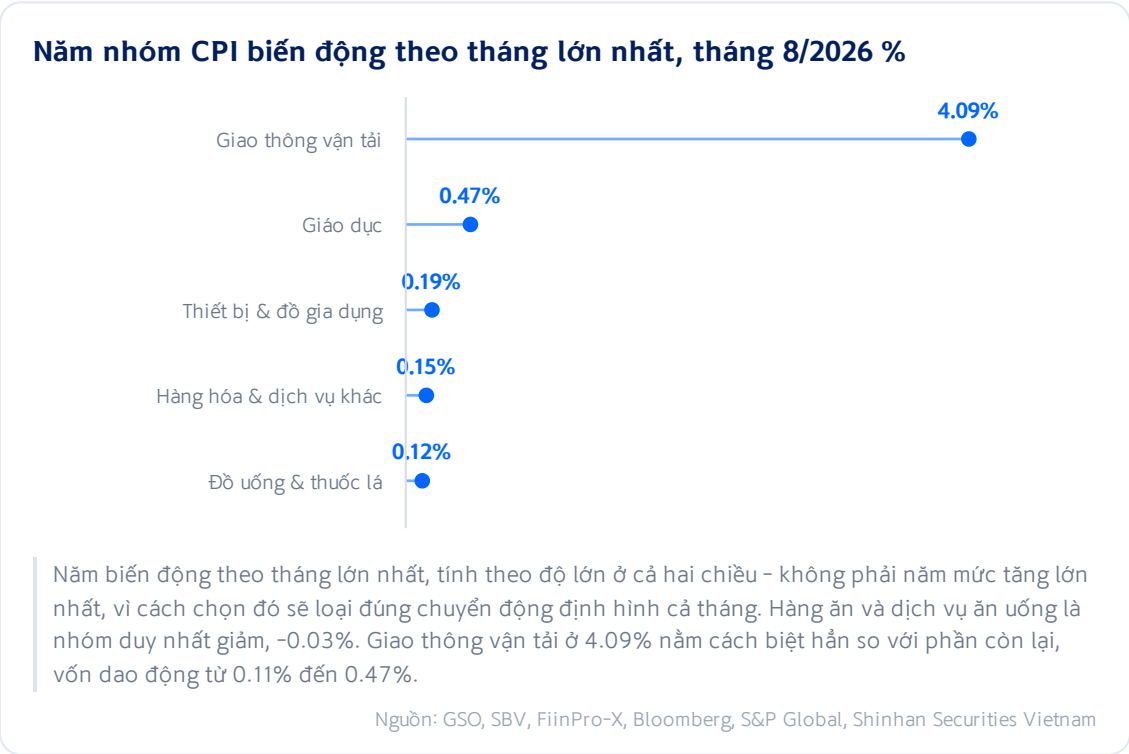
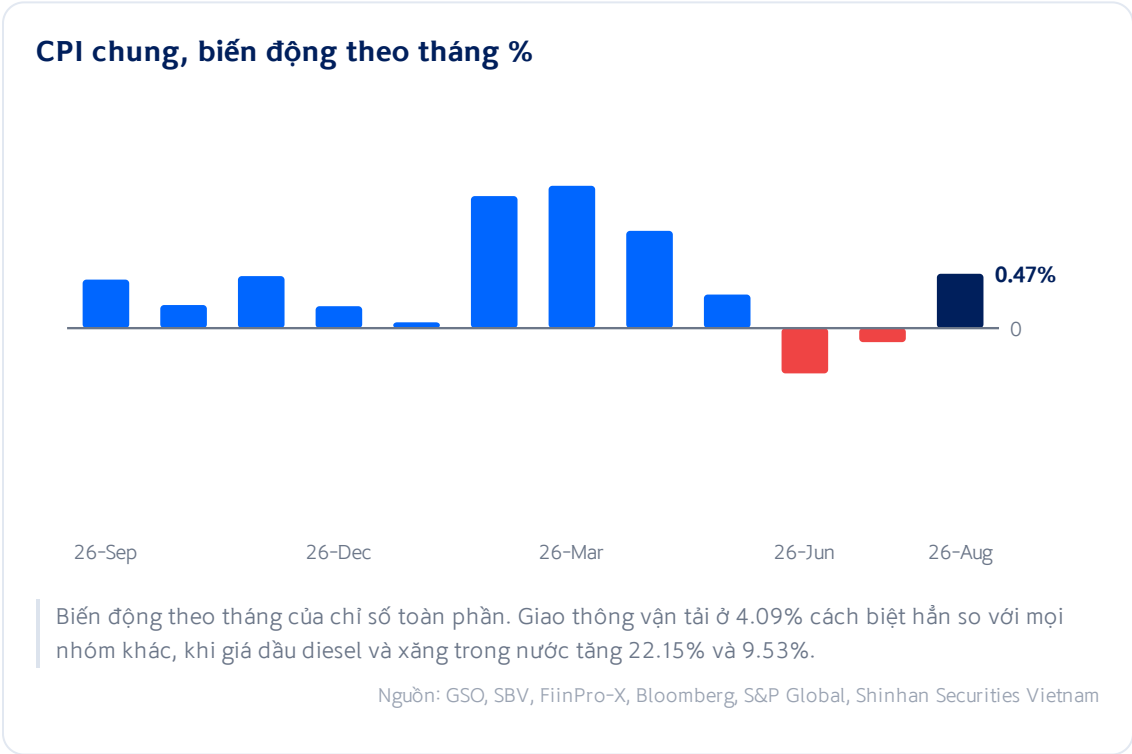
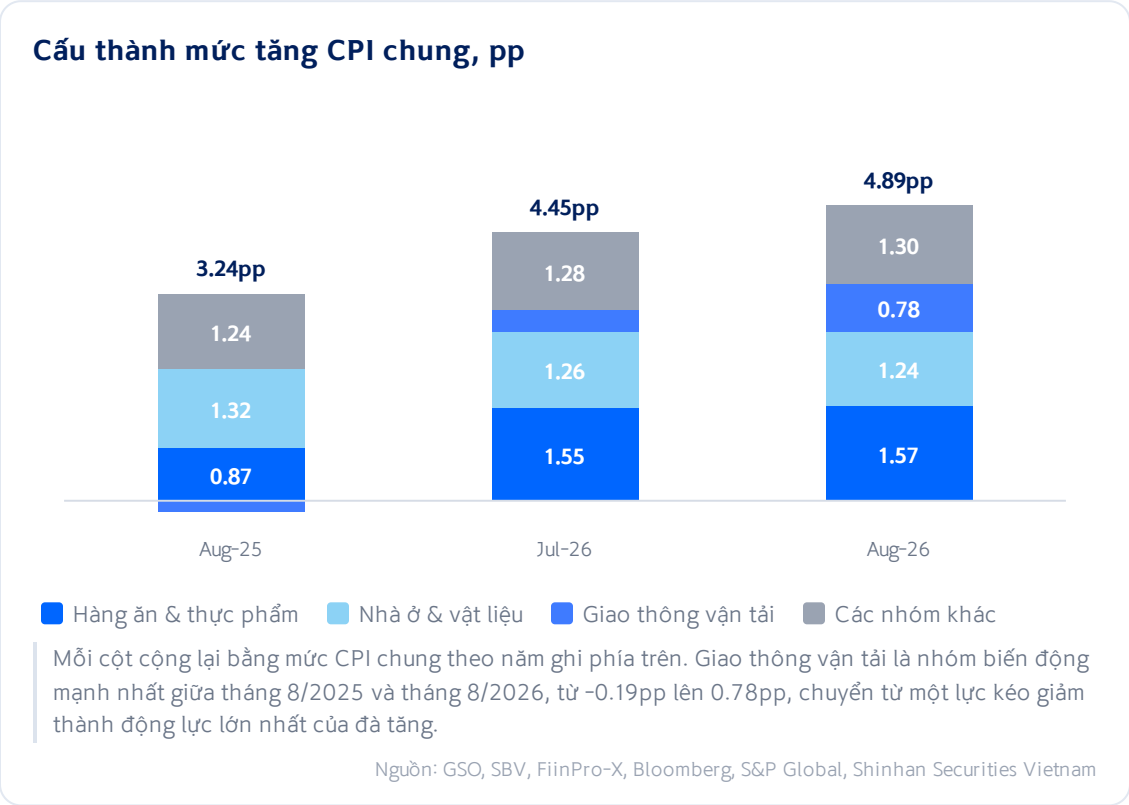
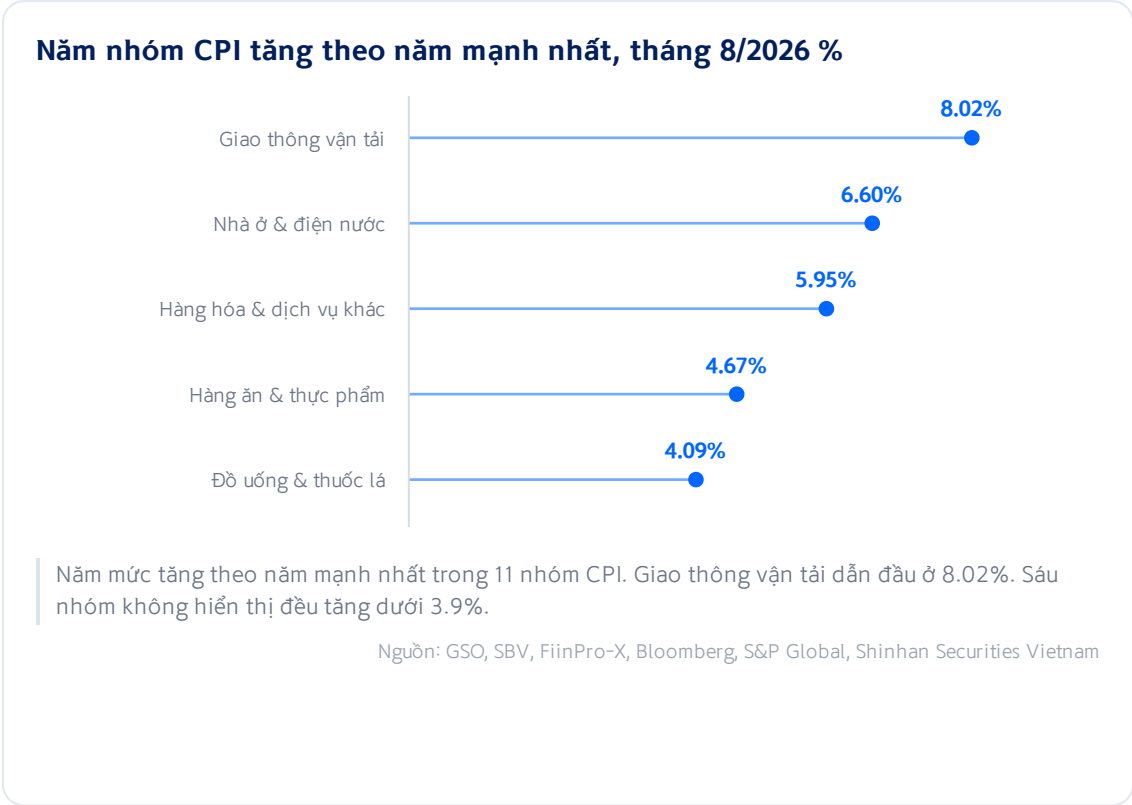
Nhà ở & điện nước, YoY

Đóng góp 1.24pp vào CPI chung, so với 1.32pp một năm trước

+4.67%

Hàng ăn & dịch vụ ăn uống, YoY

Nhóm duy nhất giảm trong tháng, -0.03% MoM; đóng góp 1.57pp vào CPI chung



Xu hướng và biến động 12 tháng				
Chỉ tiêu	Diễn biến	Mới nhất	So kỳ trước	So cùng kỳ năm trước
CPI chung (MoM)		0.47%	+0.59pp	+0.42pp
CPI chung (YoY)		4.89%	+0.44pp	+1.65pp

Điều này cho thấy Ba nhóm có tỷ trọng lớn nhất chi phối mức tăng 4.89% của tháng 8: giao thông vận tải (+8.02% YoY, 0.78pp), nhà ở, điện, nước và vật liệu xây dựng (+6.60% YoY, 1.24pp) và hàng ăn cùng dịch vụ ăn uống (+4.67% YoY, 1.57pp), tổng cộng 3.59pp trong tổng mức tăng 4.89%; tám nhóm còn lại chỉ đóng góp 1.30pp. Mức đóng góp của giao thông vận tải đảo chiều từ -0.19pp của tháng 8/2025 lên 0.78pp hiện tại, một biến động 0.97pp giải thích khoảng 60% mức tăng 1.65pp của lạm phát chung trong năm qua, khi giá nhiên liệu trong nước bám theo mức tăng 15.8% của giá dầu và khí đốt thế giới. Lạm phát cơ bản hạ về 4.55% từ 4.63%, cho thấy đà tăng nằm ngoài rổ CPI lõi. Bình quân 8T2026 đạt 4.45% CPI chung và 4.24% CPI lõi.

Thâm hụt thương mại tháng thu hẹp mạnh về -USD 0.12bn từ -USD 3.41bn của tháng 7. Cả hai dòng vốn đầu tư đều tăng mạnh so với năm trước.

-USD 0.12bn

Cán cân thương mại, tháng 8

Xuất khẩu USD 54.79bn (+26.0% YoY),
nhập khẩu USD 54.91bn (+37.9%)

-USD 20.46bn

Cán cân thương mại, 8T2026

So với mức xuất siêu USD 14.02bn của
8T2025

USD 40.63bn

FDI đăng ký, 8T2026

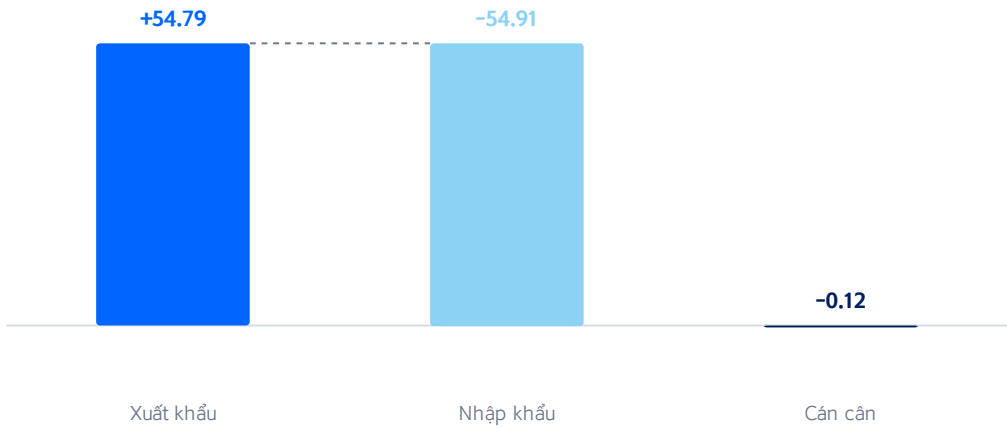
+55.4% YoY; thực hiện USD 17.25bn, cao
nhất cho 8 tháng trong nhiều năm

VND 545.49tn

Đầu tư công, 8T2026

+24.1% YoY; đạt 50.5% kế hoạch năm

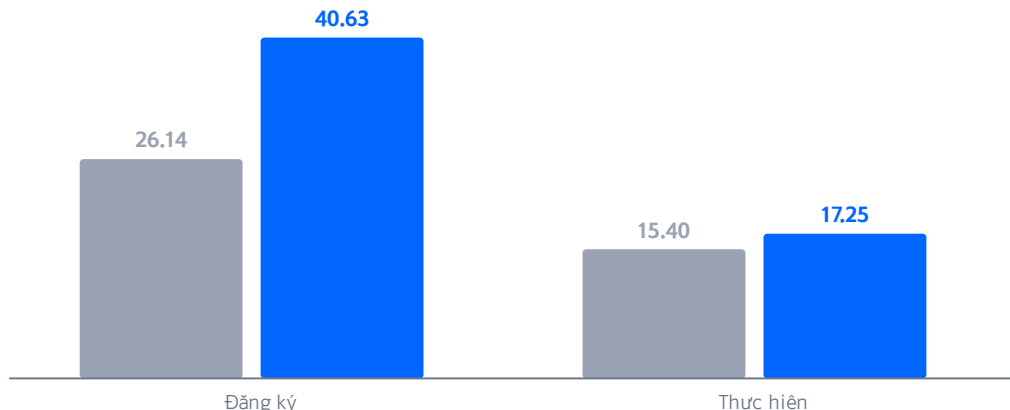
Cán cân thương mại tháng 8 hình thành thế nào, tỷ USD



Đọc từ trái sang phải: USD 54.79bn hàng hóa rời khỏi Việt Nam trong tháng 8 và USD 54.91bn đi vào, để lại thâm hụt -USD 0.12bn. Thâm hụt tháng 7 là -USD 3.41bn.

Nguồn: GSO, SBV, FiinPro-X, Bloomberg, S&P Global, Shinhan Securities Vietnam

FDI lũy kế đến 8T2026, tỷ USD

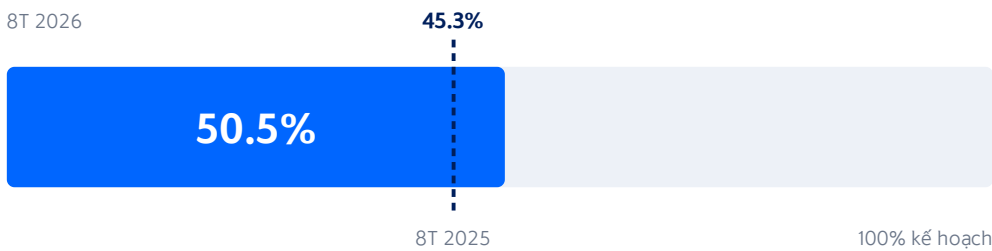


■ 8T 2025 ■ 8T 2026

Lũy kế 8 tháng của từng năm, đặt cạnh nhau. Đăng ký là vốn đã cam kết chính thức; thực hiện là vốn đã thực sự đưa vào. Cả hai đều tăng so với 2025.

Nguồn: GSO, SBV, FiinPro-X, Bloomberg, S&P Global, Shinhan Securities Vietnam

Đầu tư công, 8T2026 so với kế hoạch năm

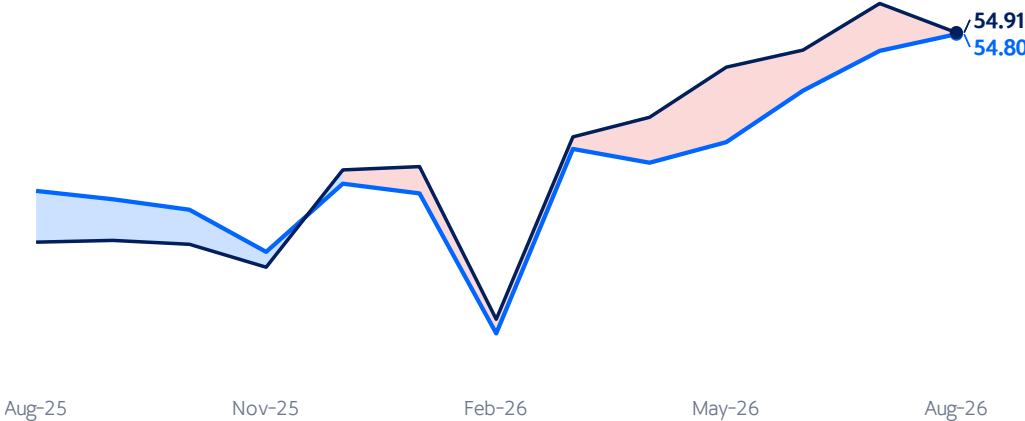


Giải ngân VND 545.49tn trong 8 tháng đầu năm

50.5% kế hoạch cả năm đã được giải ngân qua 8T2026 (tương đương VND 545.49tn trên tổng kế hoạch).

Nguồn: GSO, SBV, FiinPro-X, Bloomberg, S&P Global, Shinhan Securities Vietnam

Xuất khẩu và nhập khẩu theo tháng, tỷ USD



— Xuất khẩu — Nhập khẩu

Xuất khẩu và nhập khẩu theo tháng, mười ba tháng. Hai dòng này thường di chuyển cùng nhau, đặc trưng của một nền kinh tế gia công và tái xuất.

Nguồn: GSO, SBV, FiinPro-X, Bloomberg, S&P Global, Shinhan Securities Vietnam

Xu hướng và biến động 12 tháng

Chỉ tiêu	Diễn biến	Mới nhất	So kỳ trước	So cùng kỳ năm trước
Xuất khẩu (tỷ USD)		54.79	+1.19	+11.30
Nhập khẩu (tỷ USD)		54.91	-2.10	+15.12
Cán cân thương mại (tỷ USD)		-0.12	+3.29	-3.82
Đầu tư công (nghìn tỷ VND)		105.75	+8.05	+22.62

Điều này cho thấy Nhập khẩu (USD 54.91bn, tăng +37.9% YoY) vượt xuất khẩu (USD 54.79bn, tăng +26.0%) -USD 0.12bn trong tháng 8, thu hẹp mạnh so với -USD 3.41bn của tháng 7. Tổng kim ngạch lũy kế 8T2026 đạt USD 770.14bn, mức 8 tháng cao nhất từ trước đến nay (tăng +28.7% YoY), đưa cán cân lũy kế 8T2026 về -USD 20.46bn - đảo chiều so với mức xuất siêu USD 14.02bn của 8T2025 - khi tốc độ tăng nhập khẩu (35.3%) vượt xa tốc độ tăng xuất khẩu (22.4%) suốt cả năm. Đầu tư là điểm sáng đối lập: giải ngân đầu tư công đạt VND 105.75tn trong tháng 8 (tăng +24.1% YoY), đưa lũy kế 8T2026 lên VND 545.49tn (đạt 50.5% kế hoạch năm, so với 45.3% cùng kỳ năm trước), trong khi FDI đăng ký đạt USD 40.63bn trong 8T2026 (tăng +55.4% YoY) và FDI thực hiện đạt USD 17.25bn (+12.0%) là mức 8 tháng cao nhất trong 5 năm, khiến khoảng cách đăng ký - thực hiện nới rộng lên USD 23.38bn so với USD 10.74bn một năm trước.

Tiền đồng lên giá 3.30% so với USD tính từ cuối năm 2025, trong khi lãi suất ngắn hạn biến động mạnh trong tháng. Tín dụng vẫn tăng nhanh hơn huy động theo số liệu mới nhất.

+0.85%

VND so với USD, lũy kế 2026
KRW +4.96%, THB -5.25%, CNY +3.84% cùng giai đoạn

1.19%

Lãi suất qua đêm, cuối tháng
Biến động từ 6.32% xuống mức thấp hơn đầu tháng

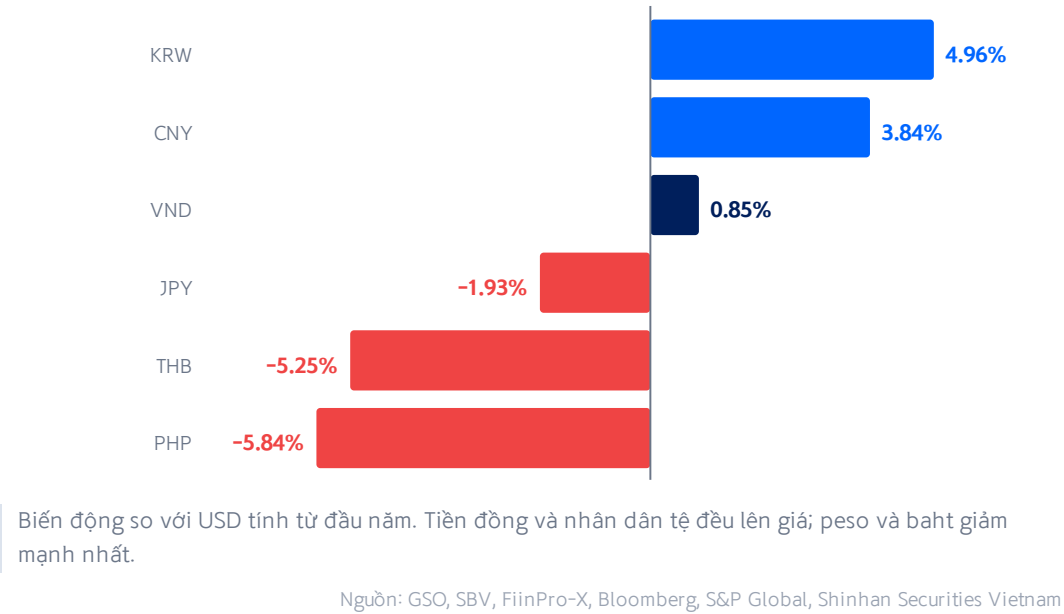
+8.97%

Tăng trưởng tín dụng, YTD (mới nhất: tháng 7)
Tháng 8 chưa công bố; tăng từ 7.73% của tháng 6

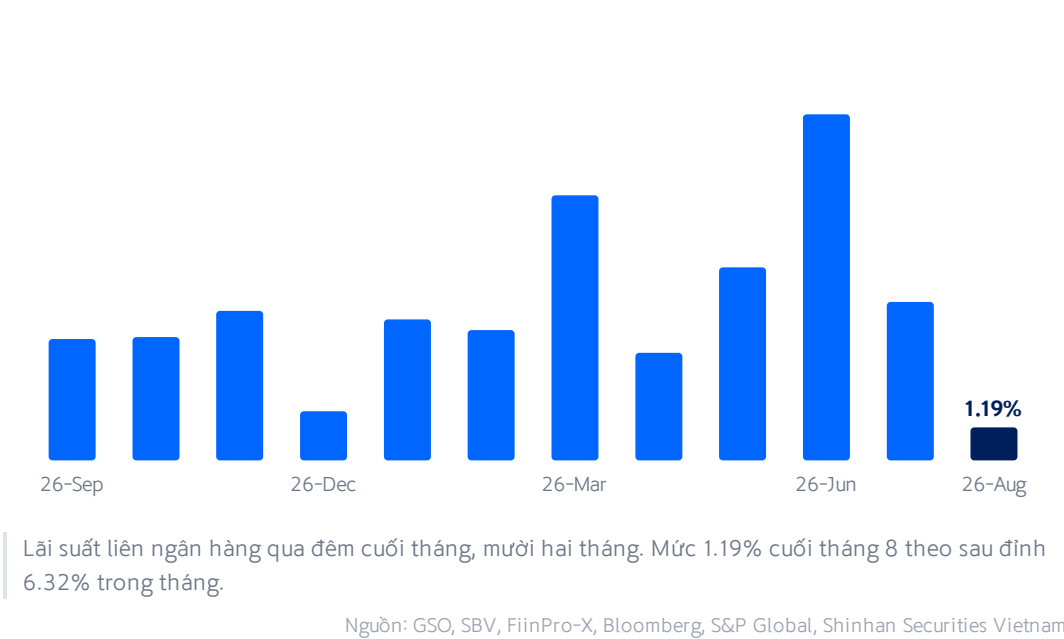
+4.99%

Tăng trưởng huy động, YTD (mới nhất: tháng 5)
Thấp hơn 3.98pp so với tín dụng tháng 7; cùng kỳ 2025 đạt 5.91%

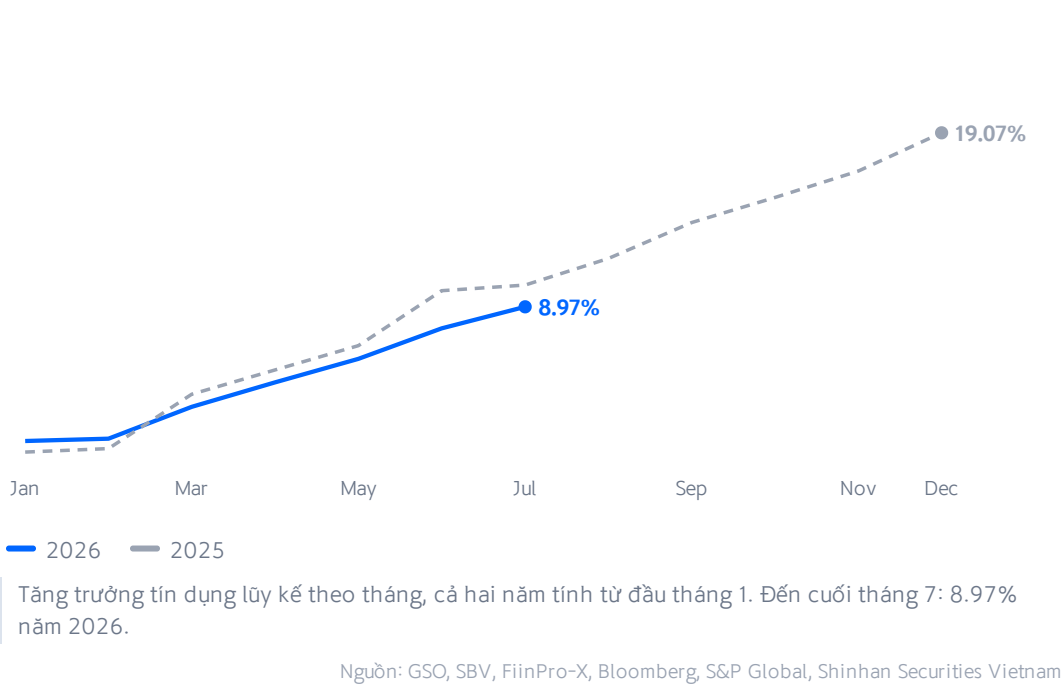
Tiền tệ khu vực so với USD, lũy kế 2026 %



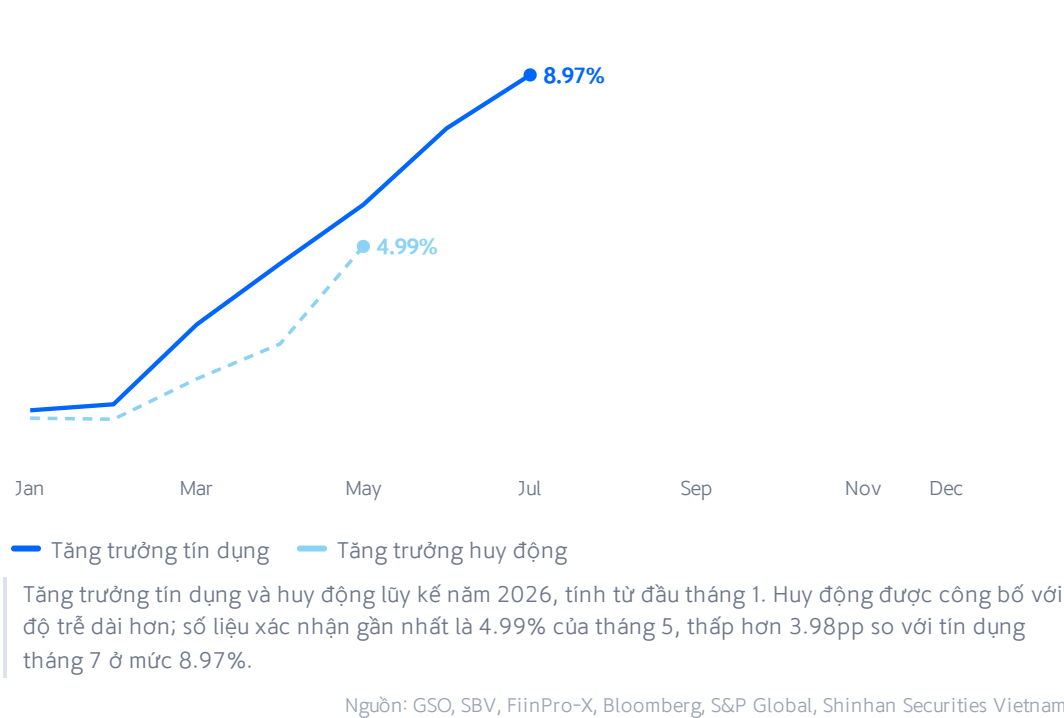
Lãi suất qua đêm liên ngân hàng, cuối tháng %



Tăng trưởng tín dụng YTD theo tháng, %



Tăng trưởng tín dụng và huy động YTD, 2026 %



Xu hướng và biến động 12 tháng

Chỉ tiêu	Diễn biến	Mới nhất	So kỳ trước	So cùng kỳ năm trước
Lãi suất liên ngân hàng qua đêm		1.19%	-4.53pp	-0.84pp
Tăng trưởng huy động (YTD)		n.a	n.a	n.a
Lãi suất cho vay bình quân		9.55%	+0.15pp	+1.90pp
Tỷ giá VND/USD		25,860	-390	-790

Điều này cho thấy Tỷ giá VND/USD trên thị trường tự do lên giá 3.30% kể từ cuối năm 2025, đóng cửa tháng 8 ở mức VND 25,860, thuộc nhóm ổn định nhất khu vực cùng với CNY (+3.84%), vượt xa THB (-5.25%) và PHP (-5.84%). Ngân hàng Nhà nước tiếp tục bơm ròng thanh khoản, đưa số dư OMO ròng từ VND 54.3trtn lên VND 96.8trtn trong tháng 8, còn lãi suất liên ngân hàng qua đêm giảm từ 6.32% xuống 1.19% ngay cả khi lãi suất kỳ hạn 1 tuần tăng từ 6.34% lên 7.33%. Tăng trưởng tín dụng tháng 8 chưa được SBV công bố; số liệu xác nhận gần nhất là 8.97% YTD tính đến cuối tháng 7, tăng từ 7.73% của tháng 6 nhưng vẫn chậm hơn tốc độ 10.24% của tháng 7/2025. Tăng trưởng huy động được công bố với độ trễ dài hơn và vẫn chưa xác nhận từ mức 4.99% YTD của tháng 5 - thấp hơn mức 5.91% cùng kỳ tháng 5/2025 - khiến tín dụng tiếp tục tăng nhanh hơn huy động theo số liệu mới nhất. Lãi suất huy động bình quân tại các SOCB giữ nguyên ở 5.90% tháng thứ sáu liên tiếp.

Cần theo dõi Lãi suất kỳ hạn dài tiếp tục tăng: lãi suất huy động trung bình kỳ hạn 6-12 tháng đạt 7.25% trong tháng 8 từ 7.05%, lãi suất cho vay theo đó tăng lên 9.55% từ 9.40%.

SHINHAN SECURITIES VIETNAM

Miễn trừ trách nhiệm · Phần này của báo cáo ("Điểm nhấn chính · Trực quan hóa") do Claude AI tái cấu trúc và trực quan hóa từ báo cáo kinh tế vĩ mô gốc do Trung tâm Nghiên cứu, Công ty Cổ phần Chứng khoán Shinhan Việt Nam biên soạn (nguồn có thẩm quyền). Nội dung chỉ truyền tải các số liệu và sự kiện đã nêu trong bản gốc, không chứa khuyến nghị đầu tư, giá mục tiêu, và không được dùng làm cơ sở cho bất kỳ quyết định đầu tư nào.

Thuật ngữ dùng trong phần này

YoY	Year on year - so với cùng kỳ năm trước
MoM	Month on month - so với tháng liền trước
YTD	Year to date - lũy kế từ đầu năm
pp	Percentage point - chênh lệch tuyệt đối giữa hai tỷ lệ phần trăm
PMI	Purchasing Managers Index - chỉ số khảo sát tháng; trên 50 hàm ý sản xuất mở rộng
IIP	Index of Industrial Production - chỉ số sản lượng công nghiệp, khai khoáng và tiện ích
CPI	Consumer Price Index. CPI lõi loại trừ nhóm năng lượng và thực phẩm biến động mạnh
Đóng góp	Phần mà một cấu phần chiếm trong mức tăng chung, tính bằng điểm phần trăm
Hiệu ứng nền	Ảnh hưởng của mức so sánh năm trước lên tỷ lệ tăng theo năm
FDI	Foreign direct investment. Đăng ký = vốn đã cam kết; thực hiện = vốn đã giải ngân
SOCB	State-owned commercial bank - ngân hàng thương mại nhà nước
OMO	Open market operations - nghiệp vụ thị trường mở của ngân hàng trung ương để điều tiết thanh khoản
bn / tn	Tỷ / nghìn tỷ

Nguồn · GSO, SBV, FiinPro-X, Bloomberg, S&P Global, EuroStat, Shinhan Securities Vietnam
Báo cáo gốc do Công ty Cổ phần Chứng khoán Shinhan Việt Nam · Trung tâm Nghiên cứu · Niên Nguyễn biên soạn

Tài liệu này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin, không phải khuyến nghị đầu tư. Quyết định đầu tư cuối cùng và trách nhiệm liên quan thuộc về nhà đầu tư.
© 2026 Công ty Cổ phần Chứng khoán Shinhan Việt Nam. Bảo lưu mọi quyền.